

Số: 110/2024/QĐST-HNGĐ

Thành phố Bến Tre, ngày 02 tháng 5 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE - TỈNH BẾN TRE

Căn cứ các Điều 212, 213 và 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 120/2024/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2024 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm: 1985 và ông Đoàn Văn K, sinh năm: 1984;

Cùng nơi cư trú: Số 167B2, khu phố N, phường P, thành phố BT, tỉnh Bến Tre.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị N và ông Đoàn Văn K tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện M (nay là huyện MCN), tỉnh Bến Tre vào ngày 12/01/2004 nên hôn nhân của ông bà là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Tại biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự ngày 19/04/2024, bà Nguyễn Thị N và ông Đoàn Văn K tự nguyện ly hôn với nhau là phù hợp theo quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: Có 02 con chung là Đoàn Như T, sinh ngày 03/01/2001 và Đoàn Như N, sinh ngày 10/02/2014. Sau khi ly hôn, các bên thỏa thuận ông Đoàn Văn K là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đoàn Như N và bà Nguyễn Thị N không cấp dưỡng nuôi con. Đối với con chung tên Đoàn Như T do đã trưởng thành nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[3] Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị N và ông Đoàn Văn K cùng khai không có nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[4] Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị N và ông Đoàn Văn K cùng khai không có

nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[5] Lệ phí giải quyết việc dân sự là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), bà Nguyễn Thị N và ông Đoàn Văn K phải chịu.

Đã hết thời hạn 07 (Bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị N và ông Đoàn Văn K tự nguyện thuận tình ly hôn với nhau.

- Về con chung: Giao cho ông Đoàn Văn K là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Đoàn Như N, sinh ngày 10/02/2014. Ghi nhận ông Đoàn Văn K không yêu cầu bà Nguyễn Thị N cấp dưỡng nuôi con. Bà Nguyễn Thị N được quyền đến thăm, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Vì quyền và lợi ích mọi mặt của con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con. Đối với con chung tên Đoàn Như T do đã trưởng thành nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

- Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị N và ông Đoàn Văn K cùng khai không có nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

- Về các vấn đề khác: Bà Nguyễn Thị N và ông Đoàn Văn K cùng khai không có nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) do bà Nguyễn Thị N và ông Đoàn Văn K phải chịu nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) mà bà Nguyễn Thị N và ông Đoàn Văn K đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004303 ngày 21 tháng 3 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre. Bà Nguyễn Thị N và ông Đoàn Văn K đã thực hiện xong.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND TP Bến Tre;
- UBND xã H, huyện MCN, tỉnh Bến Tre;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Lê Hoàng Út